

## *Phẩm 194: BA TUỆ*

Ba tuệ: Văn tuệ, Tư tuệ và Tu tuệ. Từ trong mười hai bộ kinh phát sinh gọi là Văn tuệ. Do đây thường sinh khởi trí tuệ vô lậu của bậc Thánh nên gọi là tuệ. Như trong kinh dạy: “Tỳ-kheo La-hầu-la nay mới thành tựu được tuệ giải thoát. Tuy nghe các kinh điển thế tục như Vi Đà v.v... mà không thể sinh tuệ vô lậu nên không gọi là Văn tuệ. Nếu có khả năng suy nghĩ nghĩa trong các kinh thì gọi là Tư tuệ. Như nói, hành giả nghe pháp rồi suy nghĩ nghĩa lý. Lại nói: Hành giả nghe pháp, suy nghĩ nghĩa lý rồi, nên thuận theo tu tập, nếu thường biết, thấy hiện tiền thì đây gọi là Tu tuệ”. Như nói: Hành giả ở trong tâm định thấy năm ấm sinh diệt. Như trong các kinh dạy: “Tỳ-kheo các ông tu tập thiền định sẽ được thấy biết như thực hiện tiền”. Trong Kinh Thất Chánh Trí dạy: “Nếu Tỳ-kheo biết pháp gọi là Văn tuệ, biết nghĩa gọi là Tư tuệ, biết thời v.v... gọi là Tu tuệ. Lại như La-hầu-la đọc tụng bộ ngũ thọ ấm gọi là Văn tuệ. Chỉ suy nghĩ về nghĩa lý gọi là Tư tuệ. Sau khi được đạo gọi là Tu tuệ. Trong kinh nói ba loại gây: gây nghe, gây lìa và gây tuệ. Gây nghe gọi là Văn tuệ, gây lìa gọi là Tư tuệ, gây tuệ gọi là Tu tuệ. Trong kinh dạy: “Nghe pháp có năm lợi ích: Chưa nghe thì nghe, nghe rồi hiểu rõ, diệt trừ nghi ngờ, thấy biết đúng đắn, dùng trí tuệ thông suốt nghĩa lý sâu xa”. Chưa nghe thì nghe, nghe rồi hiểu rõ ràng, đây là Văn tuệ. Đoạn trừ nghi ngờ, chánh kiến gọi là Tư tuệ. Dùng trí tuệ thông suốt gọi là Tu tuệ. Trong phần lợi ích của việc nghe pháp nói: Hành giả tai nghe pháp, miệng tụng quen gọi là Văn tuệ. Ý suy lường gọi là Tư tuệ. Kiến thông đạt gọi là Tu tuệ. Lại trong bốn phần Tu-đà-hoàn thì nghe chánh pháp gọi là Văn tuệ. Nhớ nghĩ chân chánh gọi là Tư tuệ. Thuận theo pháp tu tập gọi là Tu tuệ. Lại trong năm giải thoát môn, được nghe pháp từ bậc Tôn trưởng gọi là Văn tuệ, thông tỏ ngữ nghĩa gọi là Tư tuệ, sinh tâm hoan hỷ gọi là Tu tuệ. Trong kinh nói: “Pháp mà Đức Phật đã nói ba thời đều thiện. Người thiện nam! Hoặc lớn, hay trẻ thơ nghe pháp đều nghĩ, tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng. Nếu chẳng xuất gia thì không thể thanh tịnh tu tập pháp thiện, liền từ bỏ bà con, tài vật hiện có mà xuất gia, trì giới, giữ gìn các căn, oai nghi tề chỉnh, chỉ ở một mình suy nghĩ, xa lìa năm thứ ngăn che mới chứng được thiền thứ nhất và cho đến lậu tận”. Trong đó già trẻ nghe pháp, gọi là Văn tuệ, suy nghĩ tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng gọi là Tư tuệ, diệt trừ năm thứ ngăn che cho đến lậu tận gọi là Tu tuệ. Trong kinh dạy: “Do hai nhân duyên nên thường sinh chánh kiến. Nghe pháp từ người khác và tự suy nghĩ chơn

chánh. Nghe pháp từ người khác gọi là Văn tuệ, tự suy nghĩ chân chánh gọi là Tư tuệ, có khả năng sinh chánh kiến gọi là Tu tuệ. Trong kệ dạy: “Nên tập quen gần người thiện, lãnh thọ chánh pháp, thích ở một mình, điều phục được tâm mình. Trong đó tu tập quen gần gũi người thiện, lãnh thọ chánh pháp gọi là Văn tuệ, thích ở một mình gọi là Tư tuệ, điều phục được tâm mình gọi là Tu tuệ. Lại Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Mỗi khi các ông nói, thì phải nói Tứ đế, mỗi khi suy nghĩ thì nên suy nghĩ về Tứ đế. Trong đó, nếu nói Tứ đế gọi là Văn tuệ, suy nghĩ về Tứ đế là Tư tuệ, chứng đắc Tứ đế gọi là Tu tuệ. Như vậy, khắp trong Kinh, Phật đều dạy ba tuệ.

Hỏi: Ba tuệ này có bao nhiêu ở cõi Dục, bao nhiêu ở cõi Sắc và cõi Vô sắc?

Đáp: Cõi Dục và cõi Sắc đều có cả ba. Như cư sĩ Thủ sinh về cõi trời Vô nhiệt mà nói pháp ở trong đó. Nếu người nói pháp thì phải suy nghĩ ý nghĩa. Cho nên biết cõi Sắc cũng có Tư tuệ. Trong cõi Vô sắc chỉ có Tu tuệ.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không có Tư tuệ. Cõi Sắc không có Tư tuệ. Việc này là thế nào?

Đáp: Vì lý do gì mà nói cõi Dục không có Tư tuệ?

Hỏi: Vì đạo cõi Dục không thể đoạn trừ các ngăn che, các trói buộc, làm cho các trói buộc trong cõi Dục không thể hiện tiền?

Đáp: Ở trong pháp Phật không có lời nói này: Vì đạo cõi Dục không thể đoạn trừ các thức ngăn che, trói buộc, khiến cho các trói buộc trong cõi Dục không thể hiện tiền. Lại nói, đạo cõi Dục có thể phá trừ các phiền não. Vì sao? Vì cõi Dục có quán bất tịnh? Như trong kinh dạy: “Khéo tu tập quán bất tịnh thường phá trừ tham dục”. Tu tâm Từ cũng vậy.

Hỏi: Cõi Dục này quán bất tịnh, không thể diệt trừ hết các phiền não vĩnh viễn?

Đáp: Quán bất tịnh ở cõi Sắc cũng không thể diệt trừ hoàn toàn các phiền não.

Hỏi: Dùng các hạnh thô, trọng không thích hợp, có thể diệt trừ phiền não, chẳng phải quán bất tịnh v.v...?

Đáp: Không có kinh nào nói thô v.v... có thể diệt trừ các phiền não mà quán bất tịnh thì không thể. Trong kinh dạy: “Do quán bất tịnh nên có thể diệt trừ các phiền não. Lại thô v.v... có thể lực gì có thể diệt trừ phiền não mà quán bất tịnh thì không thể? Nếu cõi Dục có các hành thô thì phải dùng hành ấy để đoạn trừ phiền não. Nếu không có thì phải nói

lý do, vì sao có bất tịnh v.v... mà không có thô v.v...? Hoặc có mà không diệt trừ phiền não? Cõi Sắc tuy có nhưng không thể đoạn trừ, đây cũng phải nói nhân duyên. Vì sao cõi Dục thì không thể mà cõi Sắc lại có thể đoạn trừ phiền não?

Hỏi: Cõi Dục tuy có các thô v.v... mà không thể diệt trừ phiền não là vì cõi tán loạn. Người loạn tâm không hề có khả năng đoạn trừ. Như trong kinh dạy: Thâu giữ tâm là đạo, tâm tán loạn chẳng phải đạo?

Đáp: Cần nêu lý do, vì sao cõi Dục gọi là cõi tán loạn? Trong ấy có quán bất tịnh. Nếu là cõi tán loạn làm sao có thể quán các tướng khác như xương v.v... Lại cõi Sắc chế ngự tâm có tướng gì khác mà cõi Dục lại không có?

Hỏi: Vì đạo cõi Sắc thường xa lìa dục. Ở trong đó, chết sinh về cõi Sắc, như lấy nệm để tháo gỡ nệm.

Đáp: Tại sao gọi là xa lìa dục?

Hỏi: Đoạn trừ phiền não gọi là xa lìa dục. Vì đạo cõi Sắc có thể đoạn trừ phiền não, chẳng phải là cõi Dục.

Đáp: Các ngoại đạo đoạn trừ các trói buộc, rồi sinh lại cõi Dục. Vì thế, phàm phu không gọi đoạn trừ sự trói buộc. Nếu đoạn rồi lại sinh thì vô lậu đoạn trừ trói buộc cũng phải sinh lại. Việc ấy không thể có. Trong kinh dạy: “Diệt trừ ba phiền não trói buộc rồi có thể đoạn trừ ba độc. Phàm phu không thể đoạn trừ ba trói buộc, nên không thể xa lìa dục. Lại phàm phu thường có các tâm ngã, nên không thể đoạn trừ được thân kiến. Nếu phàm phu có thể xa lìa được dục, thì tất cả các phiền não đều không thể có. Vì sao? Vì tất cả các phiền não đều do các duyên mà thành. Như trong kinh dạy: Do các duyên mà thành ngã. Nếu phàm phu này đối với năm ấm cõi Dục, không sinh khởi thân kiến, lại chưa được các ấm cõi trên, thế thì phải không có thân kiến? Có những lỗi như vậy. Như thế phiền não cần phải diệt hết hoàn toàn, thì phàm phu này phải là A-la-hán mà thực sự phiền não không diệt trừ hết. Như trong kinh dạy: “Nghe tiếng sấm lớn hai hạng người không sợ: Chuyển luân Thánh vương và A-la-hán”. Nay phàm phu này cũng nên không sợ?

A-la-hán không vui sinh, chán ghét tử. Như A-la-hán Ưu-tư-ba-na bị rắn độc cắn. Sắp qua đời, các căn không khác, sắc diện không thay đổi. Người này cũng phải như vậy. Lại tám pháp thế gian không thể ngăn che tâm A-la-hán. Người này cũng vậy phải vì xa lìa dục. Nhưng thực ra phàm phu tuy nói xa lìa dục nhưng đều không có tướng lìa dục. Cho nên biết chẳng đoạn trừ được phiền não?

Hỏi: Phàm phu không thể đoạn trừ phiền não mà qua đời trong

thời gian này thì sinh đến cõi Sắc. Nếu không đoạn trừ sự trói buộc, thì làm sao sinh vào cõi đó? Trong kinh cũng dạy: “Có ngoại đạo xa lìa tham dục”. Lại nói: A-la-la, Ca-la-na-ma, Uất-đầu-lam-phất lìa bỏ cõi Dục và cõi Sắc sinh về cõi Vô sắc. Lại nói: Dùng sắc lìa dục, dùng vô sắc lìa dục, dùng diệt lìa sự sinh khởi nhớ nghĩ. Vì thế ông nói phàm phu dù có diệt trừ phiền não, nhưng vì sinh trở lại nên chẳng gọi là đoạn trừ. Việc này không đúng. Ông cũng nói, phàm phu có đoạn trừ bao nhiêu thì thực ra đều là ngăn ngừa, chỉ gọi là đoạn trừ xa lìa. Thật ra không đoạn trừ mà gọi là đoạn trừ, thực chẳng xa lìa dục mà gọi là lìa dục. Như trong kệ dạy: Nếu nghĩ ngã và ngã sở, chết đến mới có thể đoạn trừ được. Trẻ con đùa giỡn đất, khi còn thích thì mền tiếc giữ gìn, nếu khi tâm nhầm chán liền phá bỏ đi. Đây cũng gọi là lìa dục. Nhưng ngoại đạo đoạn trừ và chết đoạn trừ thì khác. Chết đoạn trừ thì không sinh về cõi Sắc và Vô sắc. Trẻ nhỏ bỏ đất tuy cứng dường nhưng không được quả báo lớn. Nếu cúng dường cho ngoại đạo xa lìa dục thì được quả báo lớn. Lời nói tuy giống mà nghĩa thì khác. Nên biết phàm phu thật có đoạn trừ xa lìa?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sự sai khác. Nếu có thể ngăn chặn nghiêm ngặt phiền não thì được sinh về cõi Sắc và Vô sắc. Nếu có thể ngăn ngừa thân kiến thì như trước đã nói qua. Nếu không thể ngăn chặn được thân kiến ở cõi Dục thì làm sao có thể sinh về cõi Sắc và Vô sắc. Chỉ có thể ngăn chặn được tham lam, giận dữ nên sinh về cõi Sắc mà chẳng phải ngăn ngừa được thân kiến. Cho nên biết phàm phu thật sự không đoạn trừ trói buộc. Nhưng cũng có pháp thiện ở cõi Dục có thể ngăn chặn phiền não. Vì vậy biết cõi Dục cũng có Tu tuệ. Trong kinh dạy: Ngoài bảy chỗ nương tựa, cũng cho phép được đắc đạo”. Do đó biết nương định cõi Dục có khả năng sinh trí chân thật.

Hỏi: Người này nương vào địa gần, Thiên thứ nhất, được đạo A-la-hán, chẳng phải là định cõi Dục?

Đáp: Không phải vậy. Nói ngoài bảy chỗ nương tựa thì trừ Thiên thứ nhất và địa gần rồi. Lại trong ấy, không có nhân duyên có thể nương vào địa gần mà chẳng phải là định của cõi Dục. Nếu hành giả này có thể đi vào địa gần thì sao không thể đi vào Thiên thứ nhất? Việc này cũng không có nhân duyên. Trong kinh Tu Thi Ma dạy: “Trước trí pháp trụ, sau trí Niết-bàn”. Nghĩa này không hẳn trước được thiên định sau đắc lậu tận. Nhưng chắc chắn dùng trí pháp trụ làm trước, sau đó mới đắc lậu tận. Vì thế, biết trừ các thiên định. Vì trừ các thiên định nên nói Kinh Tu Thi Ma. Nếu chấp nhận địa gần tức lỗi cùng với các thiên. Lại

không có kinh nào nói tên địa gần. Đây ông tự nhớ tưởng phân biệt.

Hỏi: Trước tôi đã nói về dụ cái nê, cho nên biết do đạo của địa khác có khả năng trừ bỏ sự trôi buộc của địa khác, như lấy nê nhỏ để tháo nê lớn. Như thế dùng đạo cõi Sắc có thể diệt trừ đạo cõi Dục. Hành giả nếu trước diệt trừ dục và pháp ác bất thiện, thì sau đó có thể nhập vào Thiền thứ nhất. Thế nên biết chắc chắn có địa gần, lấy định đoạn trừ dục. Lại nói nhân nơi sắc thoát khỏi dục. Nếu không có địa gần, sao nói nhân nơi sắc? Lại trong kinh dạy: “Nếu hành giả được hỷ thanh tịnh thì có thể trừ bỏ hỷ bất tịnh. Giống như ông Nan-đà do tâm ái Thiền nữ, nên có thể bỏ tham dục trước. Nếu không được vị vắng lặng của thiền định, thì đối với trong năm dục không thể sinh tâm nhàm ghét. Do đó biết trước được địa gần và Thiền thứ nhất, có thể bỏ cõi Dục.

Đáp: Được thiện thanh tịnh ở cõi Dục thì có thể đoạn trừ bất thiện, như nói năm tánh xuất. Nếu đệ tử của bậc Thánh, hoặc nhớ nghĩ năm dục mà không sinh vui mừng, tâm không thích thú, như đốt lông gân. Nếu nhớ nghĩ pháp xuất ly thì tâm thích thú. Lại nói, hành giả tùy theo sinh giác quán bất thiện thì lấy quán giác thiện mà diệt trừ. Vì thế ông nói thí dụ nê cũng có thể ở cõi Dục. Ông nói nhờ sắc mà lìa dục là việc sau cùng. Hành giả dùng đạo cõi Dục đoạn trừ các phiền não, đoạn trừ dần dần theo thứ lớp mới có thể được pháp thiện ở cõi Sắc. Khi ấy cõi Dục gọi là diệt hoàn toàn, được pháp cõi Sắc. Ông cho rằng chứng định diệt tận, A-la-hán cũng được các định. Đó chỉ nói quả sau cùng. Ông nói được niềm vui rất thanh tịnh và vị vắng lặng, đều đã trả lời tổng quát rồi. Nếu cõi Dục không có định thì làm sao lấy tâm tán loạn để chứng được pháp thiện ở cõi Sắc.

Hỏi: Tuệ giải thoát A-la-hán không có định chỉ có tuệ?

Đáp: Trong ấy chỉ ngăn thiền định, chắc chắn phải có thời gian ngăn chế ngũ tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: “Khi lấy y có ba độc, mặc vào rồi mới diệt, không có kinh nào nói trong tâm tán loạn có thể sinh trí chân thật, mà đều nói thâm nhiếp tâm, sinh trí như thực.

Hỏi: Nếu chánh trí tức là chánh kiến thì A-la-hán không gọi là mười phần thành tựu?

Đáp: Thế là một mà tên gọi là khác. Như Pháp trí, Khổ trí. Lại nói: A-la-hán gọi là phước điền tám công đức thành tựu. Thế cho nên chánh trí tức là chánh kiến. Lại nữa, pháp hòa kính thứ sáu trong sáu pháp hòa kính gọi là đồng kiến, nếu như ông nói thì Tận, Vô sanh trí không gọi là hòa kính. Hơn nữa, vì chánh quán nên gọi là chánh kiến; Tận, Vô sanh

trí do chánh quán nên cũng gọi là chánh kiến.

Hỏi: Tuệ tương ưng năm thức chỉ là trí không phải kiến?

Đáp: Năm thức đều không có phân biệt. Vì khởi đầu ở cảnh duyên nên kiến gọi là tư duy quán sát. Lại năm thức chỉ duyên với hiện tại, vì vậy không phải kiến.

Hỏi: Vì sao chẳng phải kiến?

Đáp: Trong cảnh duyên ấy không có giác, quán, vì vậy không thể phân biệt. Nếu nói vì khởi đầu ở cảnh duyên nên không phải kiến, thì việc này không đúng. Vì sao? Vì theo pháp của ông, nhãn thức duyên tương tục, như Ý thức; vì vậy không nên nói chỉ khởi đầu ở cảnh duyên. Nếu đúng như vậy, thì ý thức cũng không nên có kiến. Lại ông nói do duyên hiện tại nên chẳng phải kiến, thì cũng không đúng. Tha tâm trí cũng duyên hiện tại tức cũng nên chẳng phải kiến. Lại trong năm thức không có biết chân thật, do không có hành nên cũng thường thuận theo giả danh, do đó tất cả kiến, trí tuệ v.v... đều không có, đâu chỉ riêng không có kiến?

Hỏi: Có người nói nhãn căn gọi là kiến, sự ấy thế nào?

Đáp: Nhãn căn không phải Kiến (thấy), mà là nhãn thức năng duyên. Nhưng thuận theo thế tục mà nói Nhãn kiến (mắt thấy)

Hỏi: Có người nói có tám loại kiến: Năm tà kiến thế gian, Chánh kiến, Học kiến, Vô học kiến. Ngoại trừ tám kiến này, tuệ còn lại không thể gọi là kiến. Sự ấy thế nào?

Đáp: Nếu kiến trí được hiểu rõ, thông suốt chứng đắc thì đều là một nghĩa. Nếu nói đây là kiến, đây chẳng phải kiến, thì đều là tự nhớ tưởng phân biệt mà nói.

Hỏi: Trong kinh nói: Tri giả, Kiến giả thì chứng đắc lậu tận, tức đâu có sai biệt?

Đáp: Nếu trí tuệ bước đầu phá chấp giả danh thì gọi là Tri. Hội nhập Pháp vị rồi, thì gọi là Kiến. Mới quán gọi là Tri; thấu suốt rõ ràng gọi là Kiến. có pháp sâu cạn sai khác như vậy.

-----

## Phẩm 195: BỐN TRÍ VÔ NGẠI

Hỏi: Có thể trí gần ở pháp vị, đó là gì?

Đáp: Trí này ở trong pháp noãn v.v... có thể phá trừ trí giả danh. Trí này dùng thế tục thấy đế lý nên gọi là thế trí. Gần ở Thánh đạo nên gọi là gần pháp vị.

Hỏi: Trí tu ở vị lai v.v... là trong đạo Kiến đế ư?

Đáp: Không có trí này tu tập ở vị lai, (sau sẽ nói). Vì sao? Vì trong việc diệt trừ tướng của pháp không có tâm giả danh. Vì thế, trong đạo kiến đế không tu thế trí.

Hỏi: Trong kinh nói bốn trí vô ngại, đó là gì?

Đáp: Trong danh tự, trí vô ngại gọi là pháp vô ngại. Ở trong ngôn từ, trí vô ngại gọi là từ vô ngại, nghĩa là không ngăn ngại trong các ngôn từ phong tục địa phương sai khác. Như trong kinh dạy: “Hành giả không nên tham chấp ngôn từ của đất nước”. Nếu ngôn từ không khéo, thì nghĩa cũng khó hiểu, hoặc không có danh tự thì nghĩa không rõ ràng. Ngôn từ này không lưu lại, không cùng tận gọi là nhạo thuyết vô ngại. Như trong kinh dạy: “Có bốn cách nói pháp, hoặc nói có nghĩa lý không thể không hết, hoặc nói không hết mà không có nghĩa lý, hoặc cả hai đều có khả năng. Ba loại trí này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô ngại biết được nghĩa trong lời nói, danh tự gọi là nghĩa vô ngại. Như nói có bốn cách thuyết pháp: có nghĩa phương tiện, không có ngữ phương tiện, có ngữ phương tiện không có nghĩa phương tiện, có đủ hai phương tiện, không có đủ cả hai phương tiện. Nếu người có được bốn trí vô ngại ấy là đầy đủ phương tiện. Trong việc thuyết pháp khó đáp lại khó tiếp cận thì bậc thượng thích thuyết pháp vô cùng tận, cũng có nghĩa lý trí tuệ vô cùng, ngôn từ không bị ngừng trệ.

Hỏi: Trí vô ngại này làm sao đạt được?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân duyên đời trước mà được. Nếu có thể đời đời khéo tu tập nhân duyên trí tuệ và phương tiện các ấm, do năng lực tu tập nên đời nay tuy không học tập văn tự, đọc tụng kinh điển nhưng vẫn có thể biết được như thiên nhân thông.

Hỏi: Người nào có thể đạt được?

Đáp: Chỉ có Thánh nhân mới chứng đắc. Có người nói chỉ có A-la-hán mới chứng được, chẳng phải là bậc Học. Lời nói ấy không chắc chắn. Bậc Học cũng thường được tám thứ giải thoát. Vì sao không được trí này?

Hỏi: Bốn vô ngại này ở cõi nào?

Đáp: Cõi Dục và Sắc đều có. Ở trong cõi Vô sắc chỉ có nghĩa vô ngại. Vô ngại có hai loại: Hữu lậu và vô lậu. Bạch Học có đủ cả hai loại. Vô học chỉ có vô lậu. Nếu được thì cùng một lúc được tất cả. Người nữ cũng được như Tỳ-kheo ni Đàm-ma-trần-na...